

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-ST

Ngày: 29 tháng 4 năm 2021

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Bé Nhi**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lại Thiện Phong**

2. Bà **Ngô Hồng Xuân**

Thư ký phiên tòa: Bà **Thái Kim Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông **Phan Trung Hiếu** – Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 180/2020/TLST- DS, ngày 09 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST- DS ngày 10 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) K.**

-Địa chỉ: 40-42-44 Phạm Hồng T, Phường V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

-Người đại diện theo pháp luật: Bà **Trần Tuấn A**

-Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP K.

-Người đại diện theo ủy quyền: ông **Phạm Hùng H**

-Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Bạc Liêu, phòng giao dịch Phước Long.

(Theo Quyết định số: 1395/QĐ-NHKL, ngày 29/6/2020)

Người được ủy quyền lại: Ông **Võ Tấn Đạt** (có mặt)

Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Bạc Liêu, phòng giao dịch Phước Long.

Địa chỉ: ấp Nội Ô, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

(Theo văn bản số: 404/GUQ – PGDPL, ngày 30/9/2020)

2. Đồng bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1979 và bà **Dương Thị Đ**, sinh năm 1977 (vắng mặt).

-Cùng địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K, ông Võ Tấn Đạt trình bày:

*Ngày 19/12/2018 Ngân hàng TMCP K – Phòng giao dịch Phước Long, chi nhánh Bạc Liêu và bên vay ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị Đ đã ký kết Hợp đồng tín dụng số A681161/HĐTD-CC cụ thể:

-Số tiền vay là: 15.000.000 đồng;

-Mục đích vay: Vừa thu mua cá;

-Phương thức vay: vốn và lãi trả hàng ngày; Cho vay tín chấp

-Lãi suất vay: 16%/năm; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay trong hạn; Lãi phạt chậm trả là 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm lãi.

-Thời hạn vay: 180 ngày, kể từ ngày 19/12/2018 đến ngày 18/6/2019.

*Ngày 19/12/2018 Ngân hàng TMCP K – Phòng giao dịch Phước Long, chi nhánh Bạc Liêu và bên vay ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị Đ đã ký kết Hợp đồng tín dụng số A681143/HĐTD-CC cụ thể:

-Số tiền vay là: 15.000.000 đồng;

-Mục đích vay: Vừa thu mua cá;

-Phương thức vay: vốn và lãi trả hàng ngày; Cho vay tín chấp

-Lãi suất vay: 16%/năm; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay trong hạn; Lãi phạt chậm trả là 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm lãi.

-Thời hạn vay: 180 ngày, kể từ ngày 19/12/2018 đến ngày 18/6/2019.

*Ngày 19/12/2018 Ngân hàng TMCP K – Phòng giao dịch Phước Long, chi nhánh Bạc Liêu và bên vay ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị Đ đã ký kết Hợp đồng tín dụng số A681172/HĐTD-CC cụ thể:

-Số tiền vay là: 10.000.000 đồng;

-Mục đích vay: Vừa thu mua cá;

-Phương thức vay: vốn và lãi trả hàng ngày; Cho vay tín chấp

-Lãi suất vay: 16%/năm; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay trong hạn; Lãi phạt chậm trả là 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm lãi.

-Thời hạn vay: 180 ngày, kể từ ngày 19/12/2018 đến ngày 18/6/2019.

Các bên thực hiện hình thức vay không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản. Tuy nhiên, phía Ngân hàng và ông T và bà Đ thực hiện việc gửi giữ tài sản vào ngày 19/12/2018. Theo đó Ngân hàng TMCP K có giữ của ông T sổ đăng ký xe 005296, xe Honda Wave, biển kiểm soát 94F1- 161.90, số máy HC12E- 7091180, số khung 1252F1091422, dung tích 97cm³; màu sơn: xanh – đen – Bạc, ngày đăng ký 24/02/2016.

Trong quá trình vay vốn và Nguyễn Văn T bà Dương Thị Đ có thanh toán được cho Ngân hàng tiền 28.531.020 đồng, trong đó trả gốc là 26.444.444 đồng và tiền lãi là

2.086.575 nên ông T, bà Đ đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán nợ được quy định trong hợp đồng tín dụng về việc trả nợ vay. Do đó Ngân hàng TMCP K yêu cầu Tòa xem xét giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị Đ thanh toán cho Ngân hàng TMCP K tính đến ngày 30/9/2020 là 18.814.368 đồng (nợ gốc là 13.555.556 đồng, lãi trọng hạn là 1.069.589 đồng, lãi quá hạn là 4.189.224 đồng) và đề nghị phát mãi tài sản mà ông T đã gửi cho Ngân hàng và tiền lãi phát sinh tiếp theo của Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng. Đến ngày 05/3/2021, người đại diện rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu phát mãi tài sản mà ông T đã gửi cho Ngân hàng vào ngày 19/12/2018. Tại phiên tòa, người đại diện có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 7.576.813 đồng.

Đồng bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị Đ không có lời khai do không có mặt tại địa phương.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay các đương sự, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng đồng bị đơn vắng mặt không có lý do. Việc chuyển hồ sơ còn trễ so với quy định.

- Về nội dung vụ án:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 12.934.414 đồng. Trong đó nợ gốc là 8.472.222 đồng, lãi trong hạn là 668.493 đồng, lãi quá hạn là 3.793.698 đồng.

Ngoài ra buộc ông T, bà Đ còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu đồng bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị Đ phải trả nợ vay cho Ngân hàng nên là tranh chấp hợp đồng tín dụng, đồng thời đồng bị đơn có nơi cư trú tại ấp Cai Giăng, xã Ninh Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

[3] Về việc ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị Đ vắng mặt tại địa phương, không tham dự các phiên họp, phiên tòa của Tòa án nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục và tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà Đ theo quy định tại Điều 179, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP K yêu cầu anh ông T, bà Đ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở để xác định vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị Đ với Ngân hàng TMCP K – phòng giao dịch Phước Long, tỉnh Bạc Liêu có ký kết các hợp đồng tín dụng số A681161/HĐTD-CC, A681143/HĐTD-CC và A681172/HĐTD-CC ngày 19/12/2018 để vay tổng số tiền gốc là 40.000.000 đồng. Mục đích vay: Vựa thu mua cá; Phương thức vay: vốn và lãi trả hàng ngày; Cho vay tín chấp; Lãi suất vay: 16%/năm; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay trong hạn; Lãi phạt chậm trả là 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm lãi; Thời hạn vay: 180 ngày, kể từ ngày 19/12/2018 đến ngày 18/6/2019. Khi vay bị đơn không có thế chấp tài sản đảm bảo.

Trong quá trình vay vốn và Nguyễn Văn T bà Dương Thị Đ có thanh toán cho Ngân hàng tiền 28.531.020 đồng, trong đó trả gốc là 26.444.444 đồng và tiền lãi trong hạn là 2.086.575 đồng từ ngày 20/12/2018 đến ngày 18/4/2019, đến nay không thanh toán thêm khoản tiền nào nên ông T, bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng. Khi vay bị đơn không có thế chấp tài sản đảm bảo. Tính đến ngày 30/9/2020 ông T, bà Đ còn nợ Ngân hàng tổng của 03 hợp đồng là 18.814.368 đồng, trong đó tiền gốc là 13.555.556 đồng, lãi trong hạn là 1.069.589 đồng, lãi quá hạn là 4.189.224 đồng. Đến ngày 05/3/2021 ông T, bà Đ có trả số tiền 7.576.813 đồng, trong đó nợ gốc là 5.083.333 đồng, lãi trong hạn là 401.096 đồng, lãi quá hạn là 2.092.384 đồng của hợp đồng tín dụng số A681161/HĐTD- CC ngày 19/12/2018. Tính đến ngày 29/4/2021 ông T bà Đ còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 12.934.414 đồng của hợp đồng tín dụng số A681143/HĐTD-CC ngày 19/12/2018 và hợp đồng tín dụng số A681072/HĐTD-CC ngày 19/12/2018. Quá trình giải quyết vụ án ông T bà Đ bỏ địa phương đi không thông báo cho nguyên đơn biết và không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và cũng không tham gia phiên tòa nên Tòa án căn cứ vào Điều 179 tiến hành các thủ tục niêm yết theo quy định. Do đó yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, buộc ông T bà Đ có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP K trả tổng số tiền tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là tổng số tiền là 12.934.414 đồng. Trong đó nợ gốc là 8.472.222 đồng, lãi trong hạn là 668.493 đồng, lãi quá hạn là 3.793.698 đồng.

Xét việc rút một phần đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP K, ngày 05/3/2021 người đại diện của Ngân hàng rút một phần yêu cầu phát mãi tài sản mà ông T đã gửi cho Ngân hàng vào ngày 19/12/2018. Đồng thời tại phiên tòa, người đại diện của Ngân hàng có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 7.576.813 đồng, trong đó nợ gốc là 5.083.333 đồng, lãi trong hạn là 401.096 đồng, lãi quá hạn là 2.092.384 đồng của hợp đồng tín dụng số A681161/HĐTD- CC ngày 19/12/2018. Do đó, căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu của Ngân hàng TMCP K.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông T, bà Đ phải nộp theo quy định. Số tiền Ngân hàng TMCP K đã dự nộp sẽ được hoàn lại toàn bộ.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 179, Điều 228, Điều 244 Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K về yêu cầu phát mãi tài sản gửi giữ và số tiền 7.576.813 đồng của hợp đồng tín dụng số A681161/HĐTD- CC ngày 19/12/2018.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/4/2021) là 12.934.414 đồng (của hợp đồng tín dụng số A681143/HĐTD-CC ngày 19/12/2018 và hợp đồng tín dụng số A681072/HĐTD-CC ngày 19/12/2018). Trong đó nợ gốc là 8.472.222 đồng, lãi trong hạn là 668.493 đồng, lãi quá hạn là 3.793.698 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị Đ có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 646.720 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí. Đại diện Ngân hàng TMCP K đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 340.000 đồng theo biên lai thu số 0003344 ngày 09/11/2020 sẽ được hoàn lại toàn bộ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt

tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện HD;
- CC.THADS huyện HD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

LÂM BÉ NHI